TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2021/DS-ST
Ngày: 06-7-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Phước Trinh

Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng dịch vụ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên toà số: 241/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lâm Thị R, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 08/07/2019, bà Lâm Thị R viết và ký hợp đồng lảnh giấy với nội dung nhận làm dịch vụ giấy tờ chuyển mục đích từ đất trồng cây lên đất thổ cư với giá dịch vụ đóng thổ cư 285,4m^2 là 60.000.000 đồng, dịch vụ đổi giấy chi

phí chuyển 285,4m^2 đất vườn lên đất thổ cư là 62.000.000 đồng. Bà R hứa với bà H trong thời gian là 06 tháng sẽ hoàn thành xong giấy tờ đất đai. Kể từ ngày kí hợp đồng, nếu sau 06 tháng mà không làm được thì sẽ hoàn trả lại tất cả số tiền đã nhận từ bà H.

Ngày 08/07/2019 bà R nhận từ bà H số tiền là 42.000.000 đồng. Ngày 25/07/2019 bà R nhận từ bà H số tiền là 30.000.000 đồng. Ngày 17/08/2019 bà R nhận từ bà H số tiền là 30.000.000 đồng. Ngày 18/08/2019 bà R nhận từ bà H số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 122.000.000 đồng. Bà R đã ký giấy mượn tiền nhưng thực tế là bà R nhận tiền từ bà H với mục đích làm giấy đất nên không có thỏa thuận tiền lãi, bà không yêu cầu bà R trả tiền lãi. Số tiền bà giao cho bà R không liên quan đến chồng bà.

Đến nay bà R không làm giấy tờ nhà đất mà cũng không trả bất kỳ số tiền nào cho bà nên bà H yêu cầu Tòa án buộc bà Lâm Thị R phải trả lại số tiền nhận từ bà H là 122.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Bà R vắng mặt tại phiên toà, không rõ lý do vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Kiến nghị khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 122.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án phát sinh hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bị đơn trả tiền đã nhận với mục đích làm dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất, đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Lâm Thị R đang cư trú tại ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến tòa để tham gia tố tụng mà không rõ lý do vắng mặt, bị đơn không cung cấp cho Tòa án ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cũng như phía bị đơn không cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt, không rõ lý do vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi bị đơn nhận tiền làm dịch vụ cho nguyên đơn thì không có mặt chồng bị đơn và đây là hợp đồng dịch vụ nên không chứng minh được số tiền mà bị đơn nhận từ nguyên đơn sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, hơn nữa tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn trả tiền không yêu cầu chồng bị đơn trả tiền và tiền mà nguyên đơn giao cho bị đơn là tiền cá nhân của nguyên đơn không liên quan đến ai khác nên Hội đồng xét xử xác định chồng nguyên đơn và chồng bị đơn không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử xét hợp đồng lảnh giấy ngày 08/7/2019 thể hiện nội dung bà R nhận làm giấy tờ chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lên đất thổ cư với giá dịch vụ đóng thổ cư 285,4m^2 là 60.000.000 đồng, dịch vụ đổi giấy chi phí chuyển 285,4m^2 đất vườn lên đất thổ cư là 62.000.000 đồng. Bà R hứa với bà H trong thời gian là 06 tháng sẽ hoàn thành xong, nếu không làm được thì sẽ hoàn trả lại tất cả số tiền đã nhận của bà H. Ngày 08/07/2019 bà R đã nhận từ bà H số tiền là 42.000.000 đồng. Ngày 25/07/2019 bà R đã nhận từ bà H số tiền là 30.000.000 đồng có ký nhận tiền.

Hội đồng xét xử xét giấy cho mượn tiền ngày 17/8/2019 thể hiện nội dung bà R nhận từ bà H số tiền là 30.000.000 đồng và ngày 18/08/2019 bà R nhận từ bà H số tiền là 20.000.000 đồng. Bà H trình bày bà R ký giấy mượn tiền nhưng

thực chất là bà R ứng tiền của bà H làm giấy đất nên không có thỏa thuận tiền lãi và bà H không yêu cầu bà R trả tiền lãi.

Tổng số tiền mà bà R nhận từ bà H là 122.000.000 đồng phù hợp với số tiền trong hợp đồng lãnh giấy ngày 08/7/2019 mà bà R đã ký cho bà H. Đến nay bà R không đưa ra một chứng cứ tài liệu nào chứng minh đã thực hiện dịch vụ đến giai đoạn nào, bà H nhiều lần yêu cầu bà R trả lại tiền nhưng bà R không trả, điều này chứng tỏ bà R đã vi phạm nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H có cơ sở chấp nhận, phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 468, 513, 514, 517 và Điều 519 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Lâm Thị R phải trả cho bà Đỗ Thị H số tiền là 122.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu đồng).

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thi Rưng phải chịu án phí là 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 3.050.000 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0084183 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THA DS Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Châu Trinh